

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu bất động sản và thủy sản

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

NVL, PLX

[Vĩ mô/Chiến lược]

Thị trường tiền tệ, trái phiếu tháng 8/2023

[Cập nhật công ty]

DGC

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trading đã mở quanh khi chỉ số tiếp cận ngưỡng kháng cự đã đề cập

20/09/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,226.11	+1.21
VN30	1,234.57	+0.74
HĐTL VN30F1M	1,231.60	+0.79
HNXIndex	254.82	+1.84
HNX30	548.43	+2.72
UPCoM	93.35	+0.30
USD/VND	24,320	-0.09
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.55	-2
Lãi suất qua đêm (%)	0.15	+5
Dầu (WTI, \$)	90.61	-0.65
Vàng (LME, \$)	1,929.39	-0.10



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,226.11 (+1.21%)
KLGD (triệu CP) 763.0 (+11.0%)
GTGD (triệu US\$) 837.7 (-12.7%)

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu bất động sản và thủy sản với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng, tập trung tại HPG (+0.89%), MWG (+0.54%), GVR (+3.59%).

HNXIndex 254.82 (+1.84%)
KLGD (triệu CP) 77.5 (+15.1%)
GTGD (triệu US\$) 69.5 (-5.1%)

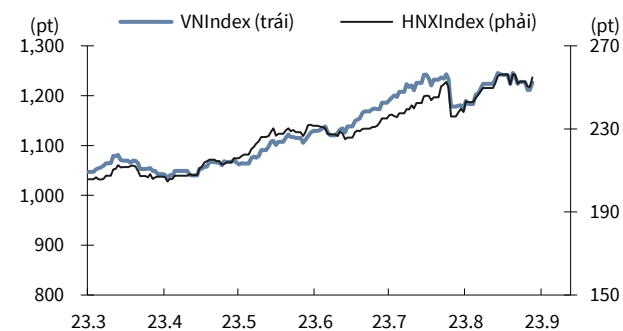
Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu gạo 8 tháng năm nay đã đạt hơn 5.8 triệu tấn, mức cao nhất từ trước tới nay, thu về khoảng 3.1 tỷ USD, tăng 36% về giá trị so với cùng kỳ. Cổ phiếu nhóm Lúa gạo tăng giá ở LTG (+3.15%), PAN (+4.01%).

UPCoM 93.35 (+0.30%)
KLGD (triệu CP) 44.8 (-3.3%)
GTGD (triệu US\$) 30.2 (+3.5%)

Theo Tổng cục Hải quan, trị giá xuất khẩu hàng dệt may trong tháng 8/2023 đạt 3.45 tỷ USD, tăng 5.5% so với tháng trước. Đây cũng là tháng đạt mức trị giá cao nhất trong vòng 11 tháng gần đây. Cổ phiếu nhóm Dệt may tăng giá ở GIL (+6.86%), TNG (+6.60%).

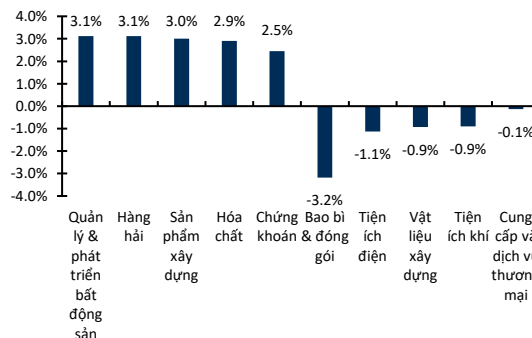
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -10.3

VNIndex & HNXIndex



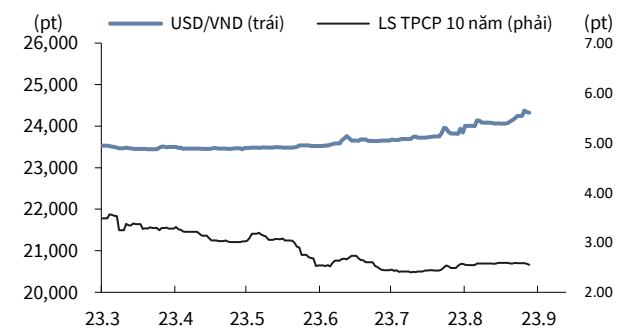
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



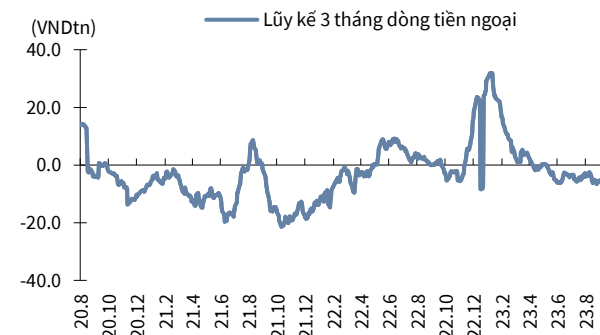
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

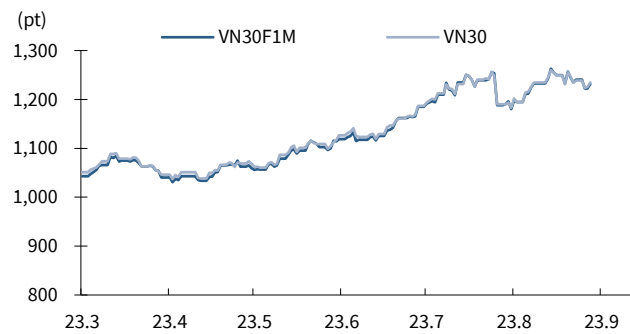
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,234.57 (+0.74%)
VN30F1M	1,231.6 (+0.79%)
Mở cửa	1,222.9
Cao nhất	1,237.7
Thấp nhất	1,221.6

Các HĐTL tăng điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2309 và VN30 mở cửa ở mức -2.60 điểm, sau đó biến động quanh mức -1.11 điểm và đóng cửa tại -2.97 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

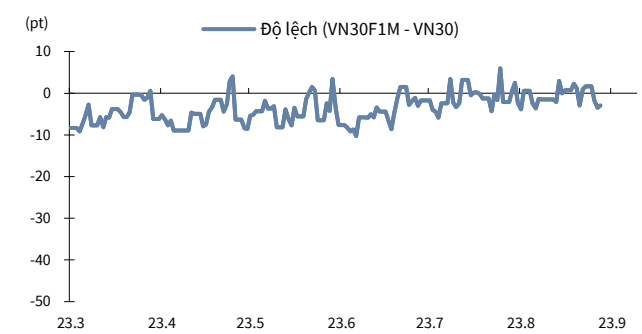
KLGD (HĐ)	212,838 (-18.0%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



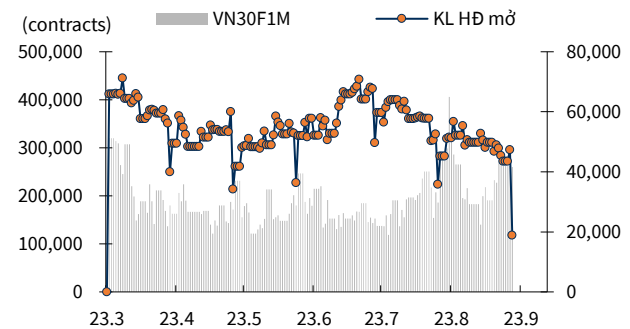
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



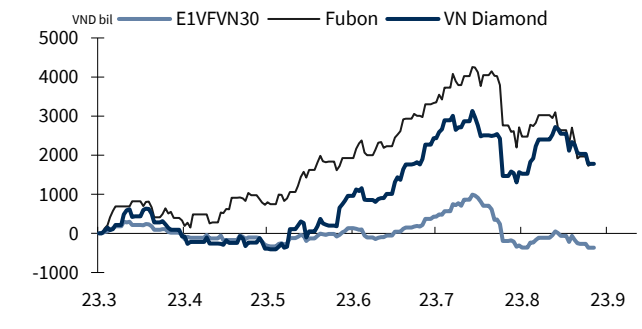
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

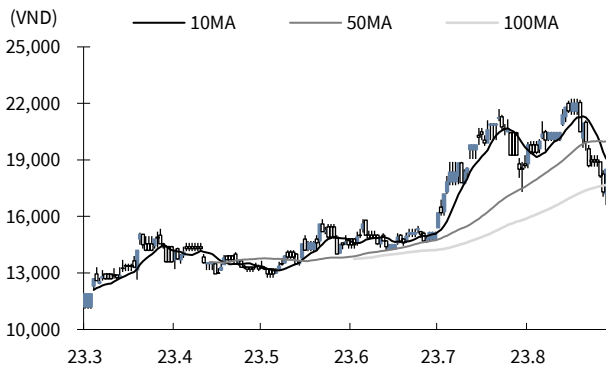
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL)

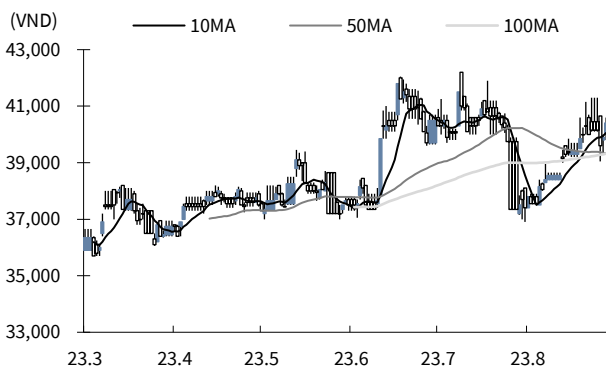


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NVL tăng 6.94% lên 18,500 VND/cp

- CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova vừa công bố thanh toán hai lô trái phiếu trị giá 25.4 tỷ bằng bất động sản do tình trạng tiền mặt cạn kiệt và thị trường bất động sản trầm lắng. Tính đến cuối tháng 6/2023, tiền và tiền và các khoản tương đương tiền của NVL chỉ còn hơn 4,035 tỷ đồng, giảm một nửa so với thời điểm đầu năm. Các công ty con của NVL cũng báo lỗ nửa đầu năm do trích lập tự phòng và điều chỉnh giảm thu nhập theo yêu cầu của kiểm toán, làm tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE) chỉ còn -2.96%.

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (PLX)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PLX tăng 1.25% lên 40,400 VND/cp

- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam vừa công bố KQKD 8 tháng đầu năm với lợi nhuận trước thuế đạt 3,000 tỷ đồng và doanh thu đạt 169,000 tỷ đồng (-16% YoY). Tính riêng trong tháng 7 và 8, Petrolimex ghi nhận 35,818 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận trước thuế khoảng 1,098 tỷ đồng. Như vậy, sau 8 tháng, công ty đã thực hiện được 89% chỉ tiêu doanh thu và 93% mục tiêu lợi nhuận.

Hóa chất Đức Giang (DGC)

Kỳ vọng sự trở lại của ngành bán dẫn

20/09/2023

 Chuyên viên phân tích Phạm Minh Hiếu
 hieupm@kbsec.com.vn

Doanh thu và lợi nhuận gộp 1H2023 giảm mạnh so với cùng kỳ

Doanh thu 1H2023 sụt giảm 36% yoy trong khi lợi nhuận gộp giảm mạnh 52% yoy. Trong 1H2023, sản lượng tiêu thụ phốt pho vàng giảm 44% yoy chủ yếu do (1) nhu cầu tiêu thụ bán dẫn giảm và (2) đẩy mạnh tiêu thụ nội bộ để sản xuất axit photphoric. Sản lượng tiêu thụ axit photphoric tăng mạnh 43% do nhu cầu nhập khẩu của thị trường Ấn Độ để sản xuất phân bón. Sản lượng tiêu thụ phân các loại giảm 2.26% do sức mua thị trường nội địa yếu.

Nhu cầu tiêu thụ thiết bị bán dẫn yếu nhưng có thể hồi phục trong 2024

Môi trường tiền tệ thắt chặt đã khiến nhu cầu tiêu thụ thiết bị bán dẫn sụt giảm trong 1H2023. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy tín hiệu hồi phục của ngành bán dẫn khi tồn kho thành phẩm bán dẫn và khuôn chip (foundry) đang giảm mạnh từ 2Q2023. Chúng tôi cho rằng nhu cầu tiêu thụ thiết bị bán dẫn toàn cầu sẽ khả quan hơn trong 2H2023 và hồi phục trong năm 2024, tác động tích cực tới giá phốt pho vàng và axit photphoric.

Cán cân cung cầu phân bón DAP đang có lợi cho triển vọng xuất khẩu WPA của DGC trong 2H2023

Từ tháng 7/2023, Ấn Độ liên tục thu mua các loại phân bón và WPA nhằm đảm bảo an ninh lương thực nội địa. Nhà cung cấp phân phốt phát lớn nhất thế giới là Trung Quốc cũng sẽ bước vào cao điểm tiêu thụ phân DAP trong tháng 10/2023, trong khi quota xuất khẩu DAP cho quý 3/2023 cũng đã cạn kiệt. Chúng tôi cho rằng triển vọng giá và tiêu thụ WPA sẽ diễn biến tích cực trong 2H2023 do Ấn Độ bắt buộc phải đẩy mạnh nhập khẩu WPA để tự sản xuất khi nguồn cung phân DAP thắt chặt.

Khuyến nghị NĂM GIỮ, giá mục tiêu là 93,600 VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên định giá FCFF và P/E chúng tôi khuyến nghị NĂM GIỮ đối với cổ phiếu DGC. Giá mục tiêu là 93,600 VNĐ/cổ phiếu, tương đương mức upside 0.9% so với giá tại ngày 19/09/2023.

NĂM GIỮ Thay đổi

Giá mục tiêu	93,600 VND
Tăng/giảm (%)	0.9%
Giá hiện tại (19/09/2023)	VND92,800
Giá mục tiêu đồng thuận	VND81,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ/tr. USD)	34,142/1,399

Dự phóng KQKD & định giá

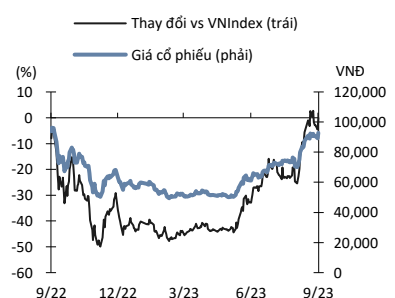
Năm tài chính	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	9,550	14,444	11,392	12,631
Lãi/lỗ từ HĐKD	2,541	5,998	3,715	4,118
Lợi nhuận của công ty mẹ (tỷ VNĐ)	2,388	5,565	3,853	4,093
EPS (VNĐ)	6,047	13,774	10,145	10,776
Tăng trưởng EPS (%)	5.5	127.8	-26.0	6.0
P/E (x)	26.4	4.3	9.2	8.7
P/B (x)	4.3	2.1	2.9	2.6
ROE (%)	39.7	55.7	32.3	30.4
Tỷ suất cổ tức (%)	0.9	1.8	1.1	1.1

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	58.8%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ/tr. USD)	293/12
Sở hữu nước ngoài (%)	14.8%
Cổ đông lớn	Đào Hữu Huyền (18.38%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	31.6	47.5	83.4	-3.6
Tương đối	27.7	35.1	54.6	-3.2



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Thị trường tiền tệ tháng 08 năm 2023

Gợn sóng

20/09/20233

Trạng thái thanh khoản tiền Đồng tiếp tục dồi dào và ổn định

- Lãi suất liên ngân hàng giảm tương đối ở các kỳ hạn dài
- Thị trường mở không ghi nhận giao dịch trong khi giá trị giao dịch liên ngân hàng qua đêm suy giảm so với cùng kỳ
- Tỷ lệ trúng thầu và giá trị trái phiếu phát hành tiếp tục duy trì mức cao. Lợi suất TPCP thị trường sơ cấp tiếp tục giảm ở tất cả các kỳ hạn.
- Khối ngoại bán ròng nhẹ trên thị trường thứ cấp

KBSV dự báo mặt bằng lãi suất liên ngân hàng sẽ tiếp tục đi ngang ở vùng đáy. Lợi suất TPCP tiếp tục duy trì mức thấp và đi ngang trong các tháng tới.

Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp suy giảm trong tháng 8

- Thị trường TPDN ghi nhận 3 tháng liên tiếp có hoạt động phát hành thành công trên 20,000 tỷ. Một phần lớn trong số đó đến từ hoạt động tái cơ cấu nợ của các ngân hàng
- Lượng trái phiếu đáo hạn tăng mạnh trong tháng 9

Tỷ giá liên ngân hàng và tỷ giá chợ đen tăng mạnh

- Tỷ giá liên ngân hàng bật tăng 167bps lên 24,085 trong khi tỷ giá chợ đen và tỷ giá bán ra tại VCB phản ứng mạnh hơn

KBSV nâng dự báo tỷ giá thời điểm cuối năm lên 24,550 USD/VND. NHNN sẽ chưa có động thái can thiệp trong ngắn hạn khi lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát và nền kinh tế cần tiếp tục được hỗ trợ bởi chính sách tiền tệ.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



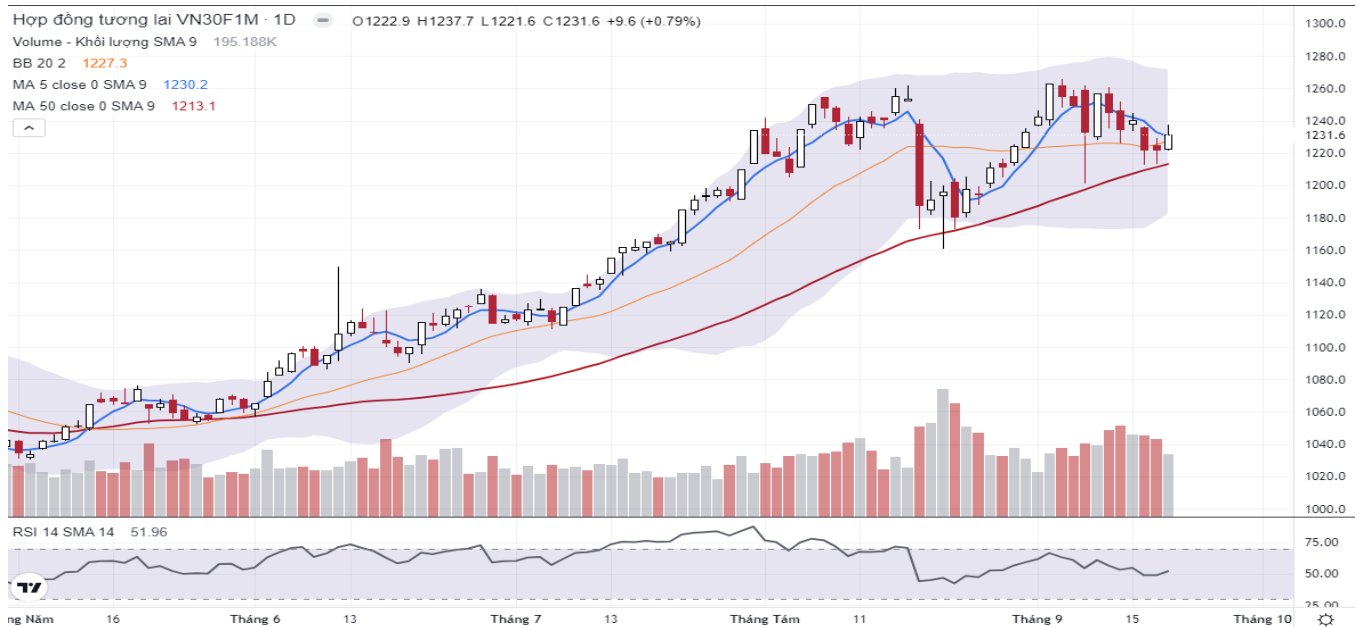
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp rung lắc đầu phiên, VNIndex dần hồi phục và mở rộng đà tăng điểm hưng phấn đến cuối phiên.
- Lực cầu bắt đáy gia tăng quanh ngưỡng hỗ trợ gần 121x, tương ứng với MA50, đã giúp cho chỉ số ghi nhận một phiên hồi phục tích cực. Mặc dù vậy, với thanh khoản có phần suy yếu cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước phiên đảo hạn phá sinh, VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục trải qua các nhịp điều chỉnh giằng co với ngưỡng kháng cự gần được đặt quanh 1235-1240.
- NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trading đã mở quanh khi chỉ số tiếp cận ngưỡng kháng cự đã đề cập.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1247 - 1250

Kháng cự gần: 1237 - 1243

Hỗ trợ gần: 1224 - 1226

Hỗ trợ xa: 1218 - 1220

- F1 tăng điểm với biên độ mở rộng trong phiên trước khi đánh mất một phần thành quả đạt được về cuối phiên
- Lực mua chủ động gia tăng áp đảo bên bán đã giúp cho chỉ số ghi nhận một phiên hồi phục tích cực. Mặc dù vậy, với thanh khoản có phần suy yếu cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước phiên đáo hạn phái sinh, F1 nhiều khả năng sẽ tiếp tục trải qua các nhịp điều chỉnh giảm co với ngưỡng kháng cự gần được đặt quanh 1237-1243.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

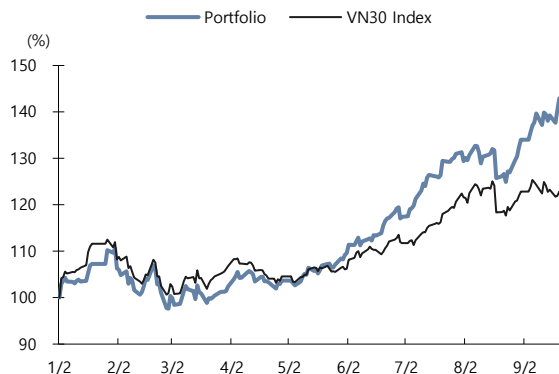
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.74%	1.81%
Tăng lũy kế (YTD)	22.82%	42.95%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 20/09/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Marinetime Bank (MSB)	05/09/2023	15,100	1.3%	1.3%	- NIM lũy kế 4 quý đạt 4,26%, ổn định ở mức cao nhờ lợi thế về CASA và lãi suất cho vay - Tổng tín dụng tăng trưởng 13.2% YTD, outperform so với mức tăng của ngành là 2.06% - Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng trong 2023 đạt 17-20%
PC1 Group (PC1)	01/08/2023	32,350	0.2%	15.9%	- Mảng EPC và SXCN trong 2H2023 sẽ được cải thiện khi Quy hoạch điện VIII được phê duyệt - Đóng góp mới từ mỏ Niken và KCN sẽ bù đắp lợi nhuận giảm từ các mảng còn lại
FPT Corp (FPT)	31/12/2019	98,500	0.1%	208.3%	- KQKD tích cực trong 7T, việc đạt mục tiêu tăng trưởng 18% - 20% trong năm 2023 là khả thi - Hưởng lợi từ xu hướng chuyển đổi số, cũng như tăng trưởng mảng công nghệ ở Mỹ, Nhật - Mảng giáo dục đầu tư duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định
PV Drilling (PVD)	01/08/2023	27,000	1.3%	5.9%	- Nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong khi nguồn cung thắt chặt - Kỳ vọng cải thiện giá cước giàn JU - Kỳ vọng thị trường E&P nội địa sôi động hơn từ 2024
Dabaco (DBC)	05/09/2023	25,400	4.5%	2.2%	- Giá thịt heo tiếp tục hồi phục về quanh 65-68,000 đồng/kg trong nửa cuối năm - Giá nguyên liệu đầu vào thường có xu hướng giảm trong El Nino giúp biên LNG cải thiện - Kỳ vọng ghi nhận khoản lợi nhuận 150 tỷ đồng từ dự án Parkview
TNG Inv. & Trading (TNG)	05/09/2023	22,600	6.6%	11.9%	- Đạt KQKD tích cực 7 tháng đầu năm, kỳ vọng tăng trưởng 18% - 20% trong năm 2023 - Hưởng lợi từ tăng trưởng mảng công nghệ ở các thị trường chủ lực (Mỹ, Nhật) - Mảng giáo dục đầu tư duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định
Hai An Transport (HAH)	05/09/2023	39,500	2.9%	10.5%	- Đà giảm giá cước vận tải ki vọng sẽ chậm lại và doanh thu từ đội tàu tiếp tục duy trì - Dự thảo đề xuất điều chỉnh giá sản dịch vụ bốc dỡ tại cảng tăng 10% - HAH đang đầu tư đóng mới 3 tàu với tổng vốn đầu tư dự kiến lên đến 2,000 tỷ VND
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	31/12/2019	82,700	1.8%	28.2%	- KQKD sẽ hồi phục nhờ: (1) mùa cao điểm cưới, ngày lễ; và (2) sức mua hồi phục - Biên LN góp cải thiện nhờ thay đổi cơ cấu hàng hoá và tăng hiệu quả quản trị HTK - Định giá về vùng hợp lý, giá đã phản ánh kỳ vọng KQKD giảm tốc của mùa thấp điểm
Binh Son Refinery (BSR)	01/08/2023	21,800	-0.5%	12.4%	- Mức crack spread trên thế giới có thể được cải thiện khi TQ và Mỹ bước vào mùa cao điểm - Kế hoạch hoãn bảo dưỡng nhà máy giúp doanh thu và LNST tăng mạnh - STB có đủ dự địa lợi nhuận để trích lập cho trái phiếu VAMC như kế hoạch đề ra.
Sacombank (STB)	01/08/2023	33,250	-0.2%	14.9%	- STB hưởng lợi từ (1) Các động thái giảm lãi; (2) Thanh khoản được cải thiện - STB nằm trong nhóm có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất và nợ nhóm 2 giảm trong 1Q2023 - STB có đủ dự địa lợi nhuận để thực hiện trích lập cho trái phiếu VAMC như kế hoạch đề ra.

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
KBC	2.8%	5.9%	67.9
VIC	3.5%	19.3%	47.1
VCI	4.8%	27.4%	39.8
VHM	2.7%	21.0%	28.3
DGW	3.8%	14.8%	25.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	0.9%	25.4%	-179.0
MWG	0.5%	23.0%	-99.6
GVR	3.6%	44.5%	-46.9
VNM	-0.8%	24.8%	-37.8
GEX	1.2%	32.5%	-36.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	1.6%	1.2%	12.4
TNG	6.6%	59.5%	2.3
VNR	1.0%	7.7%	1.3
BVS	2.3%	11.4%	1.2
CEO	5.6%	20.1%	0.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	3.1%	11.7%	-20.5
NVB	1.4%	2.0%	-1.4
SDT	6.4%	7.7%	-0.3
MVB	0.5%	0.6%	-0.3
VCS	1.7%	5.0%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	4.1%	GVR, DGC, DPM, DCM
Tiện ích khí	3.2%	GAS, PGD, PMG
Đồ gia dụng	2.4%	TTF, GDT, EVE, SAV
Máy móc	1.9%	TCH, HHS, SRF, SHA
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	1.8%	TNH, JVC, VMD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích điện	-5.0%	PGV, NT2, PPC, TTA
Bao bì & đóng gói	-4.5%	TDP, SVI, MCP, TPC
Quản lý & phát triển bất động sản	-4.2%	VHM, VIC, NVL, BCM
Đồ uống	-3.3%	SAB, BHN, SMB, SCD
Vật liệu xây dựng	-3.3%	HT1, PTB, GAB, ACC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Chứng khoán	28.8%	SSI, VND, HCM, VCI
Hóa chất	21.5%	GVR, DGC, DPM, DCM
Sản phẩm xây dựng	15.5%	VGC, BMP, SHI, DAG
Công nghệ	14.8%	FPT, CMG, ELC
Xây dựng và kỹ thuật	14.4%	DIG, HDG, VCG, PC1

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Quản lý & phát triển bất động sản	-8.9%	VHM, VIC, NVL, BCM
Tiện ích điện	-4.1%	PGV, NT2, PPC, TTA
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-2.0%	AST, VNG, DSN, DAH
Bao bì & đóng gói	-1.7%	TDP, SVI, MCP, TPC
Sản xuất điện	-1.6%	POW, VSH, GEG, TMP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	1,083,204 (45.0)	22.5	60.2	67.7	14.7	3.0	2.5	1.8	1.8	3.5	-9.6	-20.0	-0.6
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	390,463 (16.2)	26.6	6.2	5.7	35.9	21.3	19.4	1.2	1.1	2.7	-2.7	-10.7	5.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	141,054 (5.9)	17.8	15.3	14.4	-7.6	11.8	11.5	1.7	1.6	1.8	-3.1	-3.4	6.8
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	949,684 (39.4)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	1.0	1.0	6.9	-7.3	-3.9	32.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	56,498 (2.3)	11.6	27.3	24.6	13.7	8.2	8.2	1.9	1.9	4.4	0.6	7.1	34.0
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	504,964 (21.0)	13.9	43.0	45.3	-	3.7	3.4	1.5	1.4	4.3	6.0	22.5	81.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	132,721 (5.5)	6.3	14.8	12.5	11.7	22.7	21.3	2.8	2.3	-0.1	-1.2	-1.7	29.9
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	58,749 (2.4)	12.7	11.5	9.2	-5.3	19.5	19.9	2.0	1.6	1.1	-2.8	3.4	18.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	199,915 (8.3)	0.0	6.5	5.1	14.3	15.1	16.5	0.9	0.8	1.3	-1.9	5.7	32.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	210,762 (8.7)	1.4	8.8	7.3	50.3	16.8	17.6	1.2	1.1	-0.2	-1.5	4.4	17.6
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	390,824 (16.2)	0.0	10.4	8.0	18.8	11.4	12.9	1.3	1.2	0.0	-2.4	6.3	22.3
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	221,607 (9.2)	0.0	5.0	4.2	14.6	22.5	22.7	1.1	0.9	1.1	0.8	6.1	29.1
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	94,248 (3.9)	4.2	6.2	4.1	23.3	19.8	24.5	1.2	0.9	0.8	2.3	10.2	28.7
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	732,191 (30.4)	14.0	8.4	5.4	26.5	18.8	23.5	1.4	1.1	-0.2	4.1	6.2	47.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	162,823 (6.8)	0.0	7.4	6.1	37.4	19.6	19.7	1.2	1.0	2.4	1.3	7.7	28.9
EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	190,846 (7.9)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	2.2	-7.5	2.2	0.9	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	32,265 (1.3)	21.0	17.5	16.5	15.8	9.3	9.4	1.6	1.5	1.2	-2.1	0.9	-4.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	6,521 (0.3)	14.2	-	-	9.1	13.4	-	-	-	0.7	-1.6	6.0	28.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	966,296 (40.1)	55.4	30.7	25.0	-3.2	8.1	9.7	2.5	2.4	0.7	1.8	28.8	105.9
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	239,862 (10.0)	71.9	31.5	23.4	-4.0	10.5	13.6	3.3	3.1	4.8	1.0	23.9	114.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	258,869 (10.7)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	1.9	-0.3	24.3	76.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	691,963 (28.7)	27.2	26.3	19.6	36.3	7.9	10.2	2.1	1.9	2.0	3.1	26.3	87.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	263,001 (10.9)	42.1	18.9	16.1	4.0	28.8	31.5	5.4	5.5	-0.8	-1.0	6.8	2.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	60,658 (2.5)	36.9	22.3	20.0	7.3	19.4	19.7	4.1	3.6	1.9	-3.5	4.8	-3.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	147,376 (6.1)	16.5	57.3	32.5	-51.9	9.6	12.0	5.5	4.6	0.9	-0.5	0.9	-14.3
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	14,401 (0.6)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	2.3	-1.7	0.5	-3.8
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	94,503 (3.9)	11.0	57.0	26.1	-88.5	6.4	13.2	3.4	2.9	0.0	0.4	1.5	-9.2
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	106,426 (4.4)	10.8	11.5	18.0	-57.0	30.4	12.6	2.3	2.1	2.8	0.8	26.6	45.6
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	259,814 (10.8)	38.4	18.1	14.7	65.7	2.4	3.8	1.1	1.1	3.4	-6.0	10.0	74.8
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	593,937 (24.6)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	1.2	-5.4	11.4	97.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	60,936 (2.5)	3.6	25.3	21.8	-52.4	2.1	1.8	0.6	0.7	2.1	7.8	18.0	118.8
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	41,841 (1.7)	0.0	9.7	8.5	-4.5	14.7	15.2	1.4	1.2	1.3	1.4	6.3	3.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	60,994 (2.5)	46.1	16.9	16.3	-17.5	18.9	16.6	3.2	3.0	-0.9	3.2	11.7	7.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	22,977 (1.0)	31.4	12.7	10.2	-10.5	13.4	16.4	1.7	1.6	0.9	-8.6	-0.9	-6.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,999 (0.1)	34.1	16.9	9.5	-5.1	5.9	10.3	0.9	0.9	0.0	0.0	5.8	15.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	796,969 (33.1)	18.0	21.1	12.9	21.9	7.3	12.3	1.6	1.5	0.9	0.0	7.2	57.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	162,511 (6.7)	36.5	11.7	8.8	-0.5	9.9	13.6	1.2	1.2	1.0	0.6	1.2	-8.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	169,580 (7.0)	46.5	13.7	8.8	-4.5	12.0	17.6	1.5	1.4	-0.1	2.0	13.1	31.5
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	262,739 (10.9)	38.9	-	24.0	67.9	1.3	6.0	1.3	1.2	0.7	5.2	24.5	106.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	79,167 (3.3)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	2.0	-1.9	-5.5	51.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	42,832 (1.8)	4.6	18.0	15.1	-51.0	12.6	12.4	2.0	1.9	1.3	0.2	8.2	27.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	113,468 (4.7)	39.9	39.4	22.8	-11.9	4.4	7.3	1.1	1.0	1.3	1.9	13.7	51.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	106,234 (4.4)	35.9	10.0	9.4	2.2	15.0	14.2	1.4	1.2	7.0	8.6	31.9	28.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	409,134 (17.0)	0.0	66.6	19.2	14.4	2.8	17.0	3.4	3.0	0.5	-3.0	11.2	30.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	50,912 (2.1)	0.0	15.3	13.2	2.4	20.3	21.1	2.9	2.6	1.8	-0.7	5.4	-8.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	956 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.2	-0.8	4.4	47.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	87,463 (3.6)	30.3	-	24.8	-75.2	0.6	18.5	5.6	4.6	2.5	5.7	30.8	48.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	22,810 (0.9)	34.6	14.7	18.2	41.2	15.2	12.2	2.1	2.1	6.6	8.0	12.7	35.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	4,155 (0.2)	45.4	13.7	12.8	10.7	25.4	23.8	3.2	2.7	-0.2	-1.6	3.1	39.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	247,459 (10.3)	0.0	20.8	16.8	15.5	27.2	28.7	6.4	5.3	0.1	0.5	15.2	47.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoảng phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.